

Bản án số: 64/2025/DS-ST

Ngày: 29-4-2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G – B

Với Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* bà Đặng Thị Ngọc Duyên.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Thu Trang

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan

- **Thư ký phiên tòa:** bà Trần Thị Bình Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa:** bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2025/TLST - DS ngày 21 tháng 02 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2025/QĐXXST - DS ngày 26 tháng 3 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 107/2025/QĐST - DS ngày 14 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Trương Thị Kim L, sinh năm 1972; địa chỉ: số 714, ấp H1, xã H2, huyện G, tỉnh B. *Người đại diện theo ủy quyền:* ông Trần Minh Bảo, sinh năm 1999; địa chỉ: số 503, ấp M, xã L, huyện G, tỉnh B (có mặt).

2. *Bị đơn:* ông Đoàn Hoàng H, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp 1, xã T, huyện G, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/01/2025 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trương Thị Kim L và người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Minh Bảo trình bày:

Do có quen biết với nhau nên vào ngày 28/02/2019, bà L có cho ông Đoàn Hoàng H vay số tiền 88.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/tháng, thời hạn vay đến tháng 01/2023, mục đích vay để kinh doanh. Khi vay, hai bên có lập “PHIẾU NHẬN NỢ” và cùng ký tên xác nhận.

Sau khi vay, ông H thực hiện như thoả thuận đến đầu năm 2022 thì ngưng không trả lãi. Mặc dù bà L đã rất nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu ông H thực hiện nghĩa vụ trả lại tiền vay nhưng ông H vẫn luôn trốn tránh và cố tình không trả nợ cho bà L. Nhận thấy việc làm của ông H đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L. Do đó bà L yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông H có nghĩa vụ trả cho bà L tiền vay 88.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Đoàn Hoàng H vắng mặt không lý do và không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Kim L.

Tại phiên tòa:

Bà Trương Thị Kim L giữ nguyên trình bày, yêu cầu ông H có nghĩa vụ trả lại cho bà tiền vay còn nợ 88.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Ông Đoàn Hoàng H vắng mặt không lý do.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: sau khi nhận đơn khởi kiện; các tài liệu, chứng cứ kèm theo và xem xét có đủ điều kiện thụ lý; Tòa án đã tiến hành thủ tục thụ lý vụ án theo đúng quy định so với Bộ Luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Các tài liệu, chứng cứ được thu thập đầy đủ làm cơ sở giải quyết đúng đắn vụ án. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ Luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng, đầy đủ các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Bị đơn không có ý kiến về việc giải quyết vụ án là chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Về nội dung: áp dụng các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Kim L. Buộc ông Đoàn Hoàng H có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền vay 88.000.000 đồng. Ghi nhận bà L không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong H sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ pháp luật: bà Trương Thị Kim L khởi kiện yêu cầu ông Đoàn Hoàng H trả lại tiền vay nên xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa, bị đơn ông Đoàn Hoàng H mặc dù đã được triệu tập hợp L nhưng tại phiên tòa vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: xét yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Kim L yêu cầu ông Đoàn Hoàng H trả lại tiền vay 88.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Theo nguyên đơn, vào ngày 28/02/2019, bà có cho ông H vay số tiền 88.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/tháng, thời hạn vay đến tháng 01/2023, mục đích vay để kinh doanh. Sau khi vay, ông H thực hiện như thoả thuận đến đầu năm 2022 thì ngưng không trả lãi. Mặc dù bà đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu ông H thực hiện nghĩa vụ trả lại tiền vay nhưng ông H luôn trốn tránh, cố tình không trả nợ cho bà. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là “*PHIẾU NHẬN NỢ*” đề ngày 28/02/2019, có chữ ký, chữ viết họ và tên của ông Đoàn Hoàng H.

[2] Theo “*PHIẾU NHẬN NỢ*” đề ngày 28/02/2019, ghi nhận nội dung: “... Tôi tên Đoàn Hoàng H Sinh năm 1973... Nơi ĐKTT: Ấp 1 T, G B. Hôm nay tôi có mượn tiền của Trương Thị Kim L Sinh năm 1972 ... Với số tiền là 88 triệu. (Tám tám triệu đồng)... Lãi suất thoả thuận là: 0/,3 (Không phải Ba). Thời hạn trả là: 01/2023. Tôi sẽ trả lại cho Bà L. Nếu không thực hiện như trên. Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật...”;

[3] Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình tố tụng mặc dù bị đơn ông H đã được Tòa án giao tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và triệu tập hợp L nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt, không tham gia các phiên hoà giải, không có ý kiến phản Hi đối với yêu cầu khởi kiện của bà L, không phủ nhận Phiếu nhận nợ ngày 28/02/2019 và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh việc đã thanh toán tất nợ. Do đó, xét trình bày, yêu cầu khởi kiện của bà L về việc yêu cầu ông H trả lại tiền vay còn nợ 88.000.000 đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật tại các điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015 được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về lãi: quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà L không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L được chấp nhận nên bị đơn ông H phải nộp số tiền án phí (88.000.000 đồng x 5%) là 4.400.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Kim L.

Buộc ông Đoàn Hoàng H có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị Kim L số tiền 88.000.000đ (tám mươi tám triệu đồng). Ghi nhận bà L không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Đoàn Hoàng H phải nộp số tiền là 4.400.000 (bốn triệu bốn trăm nghìn đồng).

Trả lại cho bà Trương Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.200.000đ (hai triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, L phí Tòa án số 0007748 ngày 12/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp L.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện G;
- THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu H sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Thị Ngọc Duyên

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Duyên

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Tại: Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện G

* Bên nhận:- Viện
sát nhân dân huyện G.

Hai bên được nghe, đọc biên bản và đồng ý ký tên

Người giao

Người nhận

,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,

BIÊN BẢN GIAO NHẬN

Hôm nay vào lúc 13 giờ 30 phút, ngày 24/02/2025

Tại: Trụ sở Toà án nhân dân huyện G

* Bên giao: bà Đặng Thị Ngọc Duyên – Thẩm phán

* Bên nhận: bà Lê Thị Kim Phụng, sinh năm 1998; địa chỉ: số 424/1D, Trương Vĩnh Ký, ấp An Thuận A, xã Mỹ Thạnh An, thành phố B, tỉnh B. Là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn

Tiến hành giao nhận: Bản án số 18/2025/DS-ST ngày 07/02/2025 của TAND huyện G (Trần Thị Thuý – Châu Thị Thuý).

Hai bên được nghe, đọc biên bản và đồng ý ký tên

Biên bản kết thúc vào Hi giờ.....phút cùng ngày

Người giao

Người nhận

Đặng Thị Ngọc Duyên

,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,

